**Thứ Ba ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**Hoạt động trải nghiệm**

## TUẦN 3

Tiết 1

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TỔ CHỨC SỰ KIỆN: PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thể hiện sự chủ động, tự tin khi tham gia tổ chức sự kiện: Phát huy truyền thống trường em.

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**

- Thể hiện niềm tự hào về truyền thống nhà trường.

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- Giáo viên: SGK, chương trình hoạt động.

- Học sinh: SGK , tranh ảnh về các hoạt động của nhà trường;…..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY –HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** - Cho HS sắp xếp chỗ ngồi từng lớp trên sân trường qua bài hát: *Em yêu trường em.* | - Thực hiện. |
| **B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ****a) Mục tiêu:** - Học sinh thể hiện được niềm tự hào về truyền thống nhà trường. |
| **b) Cách tiến hành** **1. Thực hiện nghi lễ chào cờ:** - Người điều hành chính: Tổng phụ trách- Người phối hợp: Tập thể giáo viên nhà trường.- GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ. - Phối hợp tổ chức Lễ chào cờ.**2. Tổ chức sự kiện: Phát huy truyền thống trường em****- Tổng phụ trách Đội khai mạc chương trình, giới thiệu các hoạt động trong sự kiện và HD HS tham gia tổ chức.** *+ Trưng bày tranh ảnh về truyền thống và các hoạt động của trường,**+ Kể chuyện về các tấm gương dạy tốt, học tốt trong trường.**+ Hùng biện về chủ đề Em phát huy truyền thống nhà trường.*- GV HD HS tham gia các hoạt động.- Giúp đỡ khi HS còn lúng túng. | - HS chỉnh đốn hàng ngũ để chào cờ - Chào cờ, hát Quốc ca, Đội ca..- HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** **a) Mục tiêu:****- Chia sẻ cảm nghĩ sau khi tham gia sự kiện.**- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống nhà trường. |
| **b) Cách tiến hành** **- GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nghĩ.**+ Cảm xúc của em sau khi tham gia sự kiện thế nào?+ Qua sự kiện hôm nay, em muốn nói điều gì với thầy cô giáo và các bạn?- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt. | - Một số HS chia sẻ cảm nghĩ trước toàn trường.- HS liên hệ bản thân.- HS lắng nghe, tiếp thu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Tiếng Việt**

**BÀI 2. BẠN NAM, BẠN NỮ**

**CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM**

**1. Trò chơi: *Chinh phục đỉnh núi Phan Xi Păng***

- 4 HS nối tiếp nhau đọc nội dung phần *Chia sẻ*: 1 HS đọc lời dẫn; 3 HS còn lại đọc 3 CH.

- GV nêu nhiệm vụ, hướng dẫn cách chơi.

- HS trao đổi trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4), trả lời lần lượt 3 CH trong phần *Chia sẻ*: *Em hiểu như thế nào về nội dung của các thành ngữ, tục ngữ “Trai tài gái đảm”, “Trai mà chi, gái mà chi / Sinh con có nghĩa có nghì là hơn.”?* (CH 1)

+ HS thảo luận nhóm theo hướng dẫn của GV. Nếu HS lúng túng thì GV nêu nội dung để HS chọn nội dung phù hợp với mỗi thành ngữ, tục ngữ. VD: Các em hãy chọn nội dung dưới đây phù hợp với mỗi thành ngữ hoặc tục ngữ được nêu ở phần *Chia sẻ*:

|  |
| --- |
| Sinh con trai hay con gái đều tốt, miễn là hiếu thảo, có tình có nghĩa. |
| Nên sinh con trai vì con trai mới làm được những việc nặng nhọc. |
| Nên sinh con gái vì con gái thường chu đáo với người khác. |
| Khen ngợi những người con trai có tài, những người con gái đảm đang. |

(2) *Theo em, cả nữ và nam cần có những phẩm chất gì? Em thích phẩm chất nào nhất: Ở một bạn nam?, Ở một bạn nữ?* (CH 2, 3).

- HS trao đổi trong nhóm tương tự như với CH 1.

- HĐ cả lớp: Đại diện các nhóm trao đổi kết quả thảo luận. Một số HS nêu ý kiến, bổ sung. GV chốt câu trả lời đúng / phù hợp cho mỗi CH. Sau khi chốt mỗi câu trả lời, GV mời các nhóm giơ tay / thẻ cho biết nhóm mình đã chinh phục được điểm đến tương ứng hay chưa. GV phát cho mỗi nhóm 1 lá cờ màu (VD: nhóm về đích sớm nhất: cờ đỏ; nhóm về nhì: cờ vàng; các nhóm khác: cờ xanh). Kết thúc trò chơi, HS cả lớp đếm cờ, xem nhóm nào chinh phục đỉnh núi sớm nhất. (Có thể quy đổi: cờ đỏ 3 điểm, cờ vàng 2 điểm, cờ xanh 1 điểm. Nhóm nào được nhiều điểm nhất là nhóm chinh phục đỉnh núi sớm nhất.).

##### Đáp án:

- Câu 1:

|  |
| --- |
| ***Trai tài gái đảm*:** khen ngợi những người con trai có tài, những người con gáiđảm đang. |
|  |
| ***Trai mà chi, gái mà chi / Sinh con có nghĩa có nghì là hơn*:** sinh con trai haycon gái đều tốt, miễn là hiếu thảo, có tình có nghĩa. |

- Câu 2: *Theo em, cả nữ và nam cần có những phẩm chất gì?* HS nói theo suy nghĩ cá nhân, GV tôn trọng các ý kiến phù hợp; góp ý, bổ sung cho các ý kiến khác. VD: trung thực, thẳng thắn, chăm chỉ, có trách nhiệm với bản thân và mọi người, dũng cảm, yêu quê hương, đất nước, ngoan ngoãn, lễ phép, cẩn thận, chăm chỉ,...

- Câu 3: *Em thích phẩm chất nào nhất: Ở một bạn nam?, Ở một bạn nữ?* HS nói theo suy nghĩ cá nhân, GV tôn trọng các ý kiến phù hợp; góp ý, bổ sung cho các ý kiến khác. VD: Một số phẩm chất của bạn nam: dũng cảm (vì thể hiện sự mạnh mẽ), trung thực (vì ai cũng cần trung thực), lễ phép (vì đó là phẩm chất của một bạn học sinh ngoan),... Một số phẩm chất của bạn nữ: dịu dàng (vì con gái dịu dàng thì rất dễ mến), cẩn thận (vì con gái thường cẩn thận), tỉ mỉ, chăm chỉ (vì con gái hay làm những việc cần sự tỉ mỉ và chăm chỉ), mạnh mẽ (tuy dịu dàng nhưng các bạn gái cũng cần mạnh mẽ),... GV lưu ý: Nam hay nữ đều cần có những phẩm chất đã nêu và những phẩm chất tốt đẹp khác. Nhưng ở đây, HS cần cho biết là các em thích phẩm chất nào nhất ở một bạn nam hoặc một bạn nữ.

**2. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1**

Qua trò chơi *Chinh phục đỉnh núi Phan Xi Păng*, các em đã thấy mỗi người, dù là nam hay nữ, đều đáng quý trọng như nhau; điều quan trọng là mỗi chúng ta đều phải rèn luyện để có những phẩm chất tốt, đem lại những điều tốt đẹp cho cuộc sống. Bài học 2 *Bạn nam, bạn nữ* sẽ giúp các em hiểu kĩ hơn về những điều này. Trước hết, hôm nay, cô (thầy) và các em sẽ đọc và tìm hiểu nội dung truyện *Lớp trưởng lớp tôi* để biết nhân vật chính trong câu chuyện là ai, bạn ấy có gì đặc biệt khiến tất cả các bạn trong lớp đều yêu quý và tín nhiệm nhé!

**BÀI ĐỌC 1**

**LỚP TRƯỞNG LỚP TÔI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu bối cảnh của câu chuyện, hiểu nội dung (khen ngợi một nữ lớp trưởng vừa học giỏi vừa chu đáo, xốc vác, có trách nhiệm với công việc chung) và ý nghĩa của bài đọc (dù là nam hay nữ, nếu giỏi và tốt thì đều đáng quý, đáng trọng).

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Phát hiện được những từ ngữ, chi tiết hay; biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ, chi tiết đó.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm), NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Có suy nghĩ đúng đắn về bình đẳng giới; yêu quý, tôn trọng các bạn, không kì thị (chê bai) giới tính của bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| **GV tổng kết HĐ Chia sẻ và giới thiệu bài đọc.** |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC****Mục tiêu:**– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.– Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc**.** |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng****- Cách tiến hành:**– GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: hớt hải, xốc vác, phích,...– GV lưu ý HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương. VD: *sôi nổi, lớp, nhanh nhảu, nửa lời* (miền Bắc – MB), *điền bản đồ, lắp bắp, hoảng, sạch như lau, đẫm lưng, kêu toáng* (miền Nam – MN), *sôi nổi, lớp trưởng, nhanh nhảu, nửa lời, bản đồ,...* (miền Trung – MT).– GV xác định các đoạn truyện; thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:+ Đoạn 1 (từ đầu đến ... *chẳng hơn tôi*.): đọc với giọng kể thong thả; thể hiện thái độ của Lâm “Voi”, Quốc “Lém” và “tôi” tỏ ý chê bai, không phục Vân, không vui khi thấy Vân làm lớp trưởng.+ Đoạn 2 (từ *Giờ trả bài hôm qua...* đến *... thở phào.*): giọng đọc lúc đầu thong thả, sau đó gấp gáp (thể hiện sự hớt hải, lo lắng của Quốc), rồi trở lại thong thả (thể hiện sự ngạc nhiên, tâm trạng nhẹ nhõm của cả lớp khi thấy lớp đã được vệ sinh gọn gàng, sạch sẽ).+ Đoạn 3 (từ *Buổi chiều...* đến *... lao động hè...*): giọng đọc sôi nổi, thể hiện sự mừng rỡ, ngạc nhiên của các bạn khi thấy Vân mang kem đến; thể hiện giọng của Vân hồ hởi.+ Đoạn 4 (phần còn lại): giọng đọc hồ hởi, thể hiện sự thán phục, tin tưởng của các bạn nam trong lớp khi nói về Vân. - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm.+ GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.+ GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc phù hợp với nội dung của câu văn, đoạn văn.- GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.- GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: sôi nổi, nhanh nhảu, cạy răng, hớt hải, nhễ nhại, xốc vác…– Một số HS khá, giỏi đọc toàn bài.**Hoạt động 2: Đọc hiểu****- Cách tiến hành**- GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi.- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Phỏng vấn.- GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.+ Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai. (1) *Nhân vật “tôi” và các bạn Lâm, Quốc mong muốn có một lớp trưởng như thế nào?* (2) *Vì sao khi Vân mới được bầu làm lớp trưởng, một số bạn cảm thấy không tin tưởng?*(3) *Các bạn đã thay đổi cách nghĩ về lớp trưởng Vân như thế nào?*(4) *Điều gì đã khiến các bạn thay đổi suy nghĩ về Vân?* (5) *Nếu là một thành viên trong lớp, em sẽ nói gì về lớp trưởng Vân?* - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài đọc Lớp trưởng lớp tôi là gì?- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. |   - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo. - HS cùng GV giải nghĩa từ khó. *- Sơ tán:* chuyển, đưa (nghĩa trong bài).- *Hớt hải:* từ gợi tả dáng vẻ vội vàng, hoảng sợ lộ rõ ở nét mặt, cử chỉ.- *Nhễ nhại:* chảy thành nhiều dòng làm ướt đẫm thân thể (thường nói về mồ hôi).- *Xốc vác:* có khả năng làm được nhiều việc, kể cả việc nặng nhọc.- *Giỏi đáo để:* rất giỏi.- Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.- Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.   - 2 nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.- HS đọc. - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi theo yêu cầu của GV.(1) *Nhân vật “tôi” và các bạn Lâm, Quốc mong muốn có một lớp trưởng như thế nào?*(2) *Vì sao khi Vân mới được bầu làm lớp trưởng, một số bạn cảm thấy không tin tưởng?*(3) *Các bạn đã thay đổi cách nghĩ về lớp trưởng Vân như thế nào?*(4) *Điều gì đã khiến các bạn thay đổi suy nghĩ về Vân?*(5) *Nếu là một thành viên trong lớp, em sẽ nói gì về lớp trưởng Vân?*  Lâm muốn lớp trưởng không gầy gò, thấp bé, mà phải “có dáng”; Quốc muốn lớp trưởng phải nhanh nhảu; “tôi” muốn lớp trưởng phải học giỏi.- Vì các bạn thấy Vân không phù hợp với hình mẫu mà mình mong đợi: Vân vừa gầy vừa thấp bé, không “có dáng”, ít nói, chỉ chăm học chứ không học giỏi nổi trội.- “Tôi” thấy Vân không chỉ học chăm mà còn học rất giỏi; Lâm thấy Vân tuy nhỏ người nhưng xốc vác; Quốc thấy Vân hiền lành, ít nói nhưng giỏi, ai cũng phải nể phục.- Đó chính là những việc làm cụ thể của Vân, khiến các bạn nể phục: chăm học và đạt kết quả cao trong học tập; bao quát tốt công việc trong lớp và sẵn sàng hỗ trợ bạn; rất “tâm lí”, chu đáo, biết quan tâm tới các bạn trong lớp; nhanh nhẹn, xốc vác: biết dùng tiền quỹ lớp đúng mục đích, biết “ngoại giao” để mượn thùng của bà bán kem; …- HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Vân rất xứng đáng làm lớp trưởng lớp mình! / Tớ phục Vân lắm! / …- khen ngợi một nữ lớp trưởng vừa học giỏi vừa chu đáo, xốc vác, có trách nhiệm với công việc chung.   |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc****- Cách tiến hành:**- GV mời một số HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.- GV nhắc HS chú ý lời thoại của nhân vật và những câu dài, nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng. - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.- GV nhận xét HS. | *+ Lớp trưởng gì mà vừa* ***gầy*** *vừa* ***thấp bé****, / chẳng có dáng tí nào!**+ Lớp trưởng phải* ***nhanh nhảu****. // Cái Vân thì cạy răng chẳng nói* ***nửa lời****.**+ Nhưng vào lớp, / chúng tôi rất ngạc nhiên: / Lớp* ***sạch như lau****, / bàn ghế*ngay ngắn.+ *Lâm* ***trố mắt*** *nhìn, / còn Quốc thì* ***thở phào****.**+* ***Bây giờ****, / có ai hỏi về lớp trưởng lớp tôi, / tôi sẽ* ***tự hào*** *nói*: */ “Vân không chỉ* ***học chăm*** *mà còn* ***học rất giỏi****.”. // Hỏi Lâm, / chắc nó sẽ* ***oang oang****: / “Vân* ***nhỏ người*** *thật nhưng* ***xốc vác lắm đấy****.”. // Còn Quốc chẳng phải hỏi, / cũng sẽ* ***khoe ngay****: / “Vân hiền lành, ít nói mà* ***giỏi đáo để****, /* ***ai*** *cũng phải* ***nể phục****.”.*    |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Lớp trưởng lớp tôi? - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.**\* Củng cố, dặn dò**+ GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.- Dặn dò: GV nhắc HS về nhà luyện đọc diễn cảm lại bài đọc.  | - Dù là nam hay nữ, nếu giỏi và tốt thì đều đáng quý, đáng trọng. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Toán**

**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Biết đọc, viết tỉ số của hai số

- Phát triển các NL toán học như: học sinh giải quyết các bài toán; biết phân tích

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**-** Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| HS xem tranh khới động và thào luận: | HS1: Hãy so sánh số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh. HS2: Có 3 chiêc điện thoại màu hông và 8 chiếc điện thoại màu xanh. Màu hồng ít hơn màu xanh là 8-3 = 5(chiếc diện thoại).  |
| Đê so sánh hai số, không chỉ có so sách hơn kém bao nhiêu đơn vị, người ta còn có thể sử dụng phép tính chia để so sánh số này bằng bao nhiêu phần so với số kia.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa về tỉ số cùa hai số.  |
| GV giới thiệu:* Kêt quà của phép chia 3 : 8 gọi là thương của phép chia số 3 cho số 8.
* Thương 3 : 8 còn gọi là tỉ số của 3 và 8.
* Nói: *Ti sô* giữa số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh là 3 : 8 *(ba*

*chia cho tám)* hay $\frac{3}{8}$*(ba phần tâm).*  | HS lắng nghe |
| * Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính gì?
 | Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính chia |
| * Số điện thoại màu hồng là bao nhiêu cái?
 | Số điện thoại màu hồng là 3 cái.  |
| * Số điện thoại màu xanh là bao nhiêu cái?
 | Số điện thoại màu xanh là 8 cái.  |
| Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta lấy số điện thoại màu hồng chia cho số điện thoại màu xanh.  |
| Tương tự, muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta lấy a chia b |
| Khi đó, Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là gì? | Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là thương trong phép chia số a cho số b.  |
| *Kết quả cụ thể là bao nhiêu?* | Là a: b hay $\frac{a}{b}$ |
| Hãy lấy 1 ví dụ về tỉ số của 2 số bất kì.  | HS phát biểu. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có) |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS biết đọc, viết tỉ số cuả hai số |
| **Bài 1.**   |
| * Gọi HS đọc BT1
 | 1HS đọc, HS khác đọc thầm |
| * Ở bài tập này, HS được luyện cách đọc, viết tỉ số. Chúng ta cùng luyện tập từng phần.
 |  |
| 1. Gọi 1 HS đọc lại
 | HS đọc lại yêu cầu |
| GV hướng dẫn mẫu |  |
| Viết bảng: Tỉ số $\frac{2}{3}$Đọc là: Tỉ số của 2 và 3 | HS lắng nghe |
| * Yêu cầu hS thực hành
 | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn
 |
| * Gọi HS đọc trước lớp
 | * HS đọc to trước cả lớp
 |
| * Chốt cách đọc.
 |  |
| * GV có thê giới thiệu thêm cách đọc.

 *Ví dụ: —* đọc là “Tỉ sô cua 4 đôi với 5”.  |  |
| * Qua phần BT 1. Cho biết, tỉ số có mấy cách viết?
 | * Tỉ số có 2 cách viết, viết dưới dạng phân số hoặc viết phép tính chia
 |
| 1. GV hướng dẫn mẫu
 |  |
| * Tỉ số của 7 và 3 ta làm tnao?
 | * Ta lấy 7:3
 |
| * Vậy Tỉ số của 7 và 3 là 7: 3 hoặc $\frac{7}{3}$
 |  |
| Yêu cầu hS thực hành | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn
 |
| * Gọi HS đọc trước lớp (Có thể yêu cầu HS viết theo cả 2 cách)
 | * HS đọc to trước cả lớp
 |
| * Vậy tỉ số của 3 và 4 là bao nhiêu?
 | * HS trả lời 3:4 hoặc $\frac{3}{4}$
 |
| * Hãy chọn kết quả đúng ở phần c.
 |  |
| * Vậy tỉ số 4:3 là tỉ số của bao nhiêu?
 | * Là tie số của 4 với 3
 |
| * Lưu ý nhấn mạnh: Tỉ số cua hai số a và b phai được viết theo đúng thứ tự là a : b hay $\frac{a}{b}$
 | * HS lắng nghe
 |
| **Bài 2.**  |  |
| * HS đọc bài
 | * HS xác định yêu cầu
 |
| -Làm thế nào để tìm tỉ số của a và b? | * Ta lấy a: b
 |
| Lưu ý: Tì sô cúa hai sô a và b phài được viết theo đúng thứ tự a : b.  |  |
| * HS thực hành, làm cá nhân vào vở
 | * HS làm bài
 |
| -Gọi HS trình bày |  |
| * HS giải thích kết quả
 |  |
| * Nhận xét, phần c, có điểm nào khác với phần a,b?
 | * ở phần c, số b là phân số
 |
| Qua đó, phân biết phân số và tỉ số? | * Phân số có tử sô và MS đều là số tự nhiên.
* Tỉ số là thương của 2 số, trong đó, 2 số đó có thể là STN hoặc PS
 |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -Về nhà các em có thể luyện tập thêm cách đọc, viết tỉ số cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2 | Học về tỉ số* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**Đạo đức**

**Bài 1: EM BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG**

**VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS chia sẻ được với bạn cùng lớp về những việc phù hợp với bản thân đã và sẽ làm để thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:***Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).

***-Năng lực riêng:***

*+Nhận thức chuẩn mực hành vi:* Nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*+ Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thể hiện được lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**3. Phẩm chất**

*- Yêu nước:* Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*- Nhân ái:* Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trong quá trình thảo luận nhóm.

*- Trách nhiệm:* Thực hiện những nhiệm vụ cá nhân và nhóm trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.  Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Đạo đức 5 (bộ sách Cánh Diều).

- Tranh, hình ảnh nội dung của phần 3( Quan sát tranh và thảo luận nhóm)

- Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- Sách HS Đạo đức 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới. **b. Cách tiến hành**- Cho HS xem video bài hát *Cảm ơn chú bộ đội* của tác giả Nguyễn Văn Chung và trả lời câu hỏi.Bài hát hát thể hiện điều gì?- Nhận xét- đánh giá khích lệ HS  | - Học sinh xem video hát theo và trả lời câu hỏi.- Lòng biết ơn với người có công với quê hương, đất nước. |
| *Giới thiệu bài: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân. Chúng ta có thể thể hiện lòng biết ơn này bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và nhắc nhở mọi người. Tiết học* ***“Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước”- Tiết 3*** *ngày hôm nay sẽ giúp các em thể hiện lòng biết ơn những đóng góp của họ trong cuộc sống* |
| **B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****Hoạt động 1: Xử lí tình huống.****a) Mục tiêu:**Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp nhằm rèn luyện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.**b) Nội dung**Học sinh đọc các tình huống trong SGK trang 9, 10 và cho biết cách ứng xử của mình.**c) Tổ chức thực hiện**- GV chia lớp thành các nhóm học tập.- Yêu cầu các nhóm đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em sẽ đưa ra ý kiến hoặc ứng xử như thế nào trong tình huống này?*- GV khuyến khích cho HS các nhóm xử lí tình huống theo các hình thức khác nhau: Đóng vai, vẽ sơ đồ tư duy,…- GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.**d) Dự kiến đánh giá** | - HS chia nhóm 6, cử nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.- Các nhóm thảo luận và đưa ra các phương án chung.- Các nhóm báo cáo kết quả- Nhóm khác nhận xét, bổ sung |
| **Tình huống 1:***Nếu là thành viên của lớp em sẽ đưa ra ý kiến rằng: Chúng ta còn là học sinh, việc học tập trau dồi kiến thức là vô cùng quan trọng, không những vậy chúng ta phải luôn biết ơn và trân trọng những người đã có công với đất nước, dù là những anh hùng liệt sĩ hay những bác thương binh cũng vậy, chúng ta cần phải tham gia vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa để bày tỏ tấm lòng của mình, bên cạnh đó thì cũng cần phải học tập thật tốt để mai sau trở thành người có ích cho tổ quốc làm rạng danh tổ quốc với bạn bè quốc tế.***Tình huống 2:** *Nếu là em em sẽ rủ các bạn trong lớp cùng đến nhà Lam chơi thường xuyên, giúp Lam chăm sóc bà và dọn dẹp nhà cửa cùng Lam. Chia sẻ với Lam về công việc mà mẹ bạn ấy đang làm, an ủi động viên bạn ấy vì và khuyên bạn ấy nên tự hào khi có một người mẹ tốt như vậy.***Tình huống 3:***Em sẽ khuyên Long nên tham gia cùng cả lớp vì đây là một hoạt động ý nghĩa nhằm bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với người có công với tổ quốc, việc đá bóng có thể chuyển sang ngày khác hoặc tham gia sau.* |
| **Hoạt động 2: Chia sẻ với các bạn những việc phù hợp em đã, sẽ làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.****a) Mục tiêu:** HS chia sẻ được với bạn cùng lớp về những việc phù hợp với bản thân đã và sẽ làm để thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. |
| **c) Cách thực hiện:**- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn cùng lớp về những việc phù hợp với bản thân đã và sẽ làm để thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. - Nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp và động viên HS thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. | * HS chia sẻ trong nhóm
* HS chia sẻ trước lớp

VD: + Viết bài phát biểu cảm nghĩ về công ơn của những người đã có công với quê hương, đất nước.+ Vẽ tranh, thiết kế áp phích, làm thơ tặng các chú bộ đội ở biên giới, hải đảo nhân ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12.- Nhận xét, đánh giá. |
| **Hoạt động 3: Sưu tầm hình ảnh và đóng góp của một người có công với quê hương, đất nước.****a) Mục tiêu:** HS sưu tầm và chia sẻ được với các bạn cùng lớp một số hình ảnh và đóng góp của một người có công với quê hương, đất nước.**b) Cách thực hiện:** |
| * Cho HS nêu ý tưởng
* Cho HS lập nhóm cùng ý tưởng
* Cho HS thực hiện theo nhóm
 | * HS nêu ý tưởng
 |
| **-** GV hướng dẫn HS sưu tầm hình ảnh và đóng góp của một người có công với quê hương, đất nước( Kim Đồng, Võ Thị Sáu,…). KKHS trang trí sản phẩm mang tính thẩm mĩ và sang tạo: trình sản phẩm vào bông hoa, khung hình,…- Nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp và động viên HS thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. | - HS thực hiện yêu cầu.- 2-3 HS trình bày và trương bày và báo cáo theo kĩ thuật **Phòng tranh** - Nhận xét, đánh giá. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:****Hoạt động 4. Nhắc nhở bạn bè thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương, đất nước**1. **Mục tiêu**

HS nhắc nhở được bạn bè thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương, đất nước. |
| **b) Cách thực hiện** -GV yêu cầu HS ghi lại những việc bản thân đã làm để nhắc nhở bạn bè thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương, đất nước.-GV hướng dẫn HS thực hiện những việc đó tại trường và nơi đang sinh sống.-GV mời 3 - 5 HS chia sẻ sau một tuần thực hiện.-GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện. | - HS ghi lại những việc bản thân đã làm để nhắc nhở bạn bè thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương, đất nước * HS nghe và thực hiện
 |
| - Yêu cầu học sinh đọc lời khuyên trong SGK Đạo đức 5, trang 10.- GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài *Em tôn trọng sự khác biệt.* | - HS đọc |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ Ba ngày 24 tháng 9 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**BÀI VIẾT 1**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC**

**(Cấu tạo của đoạn văn)**

 (1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

Nắm được cấu tạo của bài văn tả người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Bước đầu biết cảm nhận cái hay, cái đẹp của việc lựa chọn, sắp xếp các chi tiết trong bài văn tả người; trao đổi được với bạn về cảm nhận của bản thân.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL tự chủ và tự học (tự giải quyết nhiệm vụ học tập: xác định được cấu tạo của bài văn tả người), NL giao tiếp (biết trao đổi với bạn). Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc nhân văn, lành mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập dành cho HS.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| – GV cho HS chơi trò chơi khởi động: “Người ấy là ai”. Một học sinh lên miêu tả ngoại hình của một bạn trong lớp, bạn nào đoán đúng tên của bạn được miêu tả thì sẽ được quyền lên đố, miêu tả ngoại hình của một bạn khác trong lớp.– GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã miêu tả rất tốt ngoại hình của các bạn trong lớp để đố các bạn. Vậy, để tả một người thì chúng ta sẽ tả như thế nào? - Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cấu tạo của bài văn tả người. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC****Mục tiêu:** - Giúp học sinh nắm được cấu tạo của bài văn tả người. |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả người.****Cách tiến hành:** - GV mời 2 HS đọc nối tiếp BT 1 ở phần *nhận xét*. Cả lớp đọc thầm theo. - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).+ *Bài văn dưới đây có mấy đoạn?* *+ Nêu tóm tắt nội dung từng đoạn?*- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2 ở phần nhận xét.- HS suy nghĩ cá nhân để tìm câu trả lời. GV cho HS báo cáo bằng cách ghép thẻ. Một HS lên bảng ghép các đoạn vào các phần phù hợp. Các HS khác quan sát, nhận xét bạn.*-* Giáo viên sử dụng phương pháp hỏi đáp để giúp học sinh rút ra bài học:*+ Bài văn tả người có cấu tạo gồm mấy phần?**+ Nội dung của mỗi phần là gì?*– GV chiếu nội dung bài học, yêu cầu học sinh đọc và ghi nhớ nội dung bài học.– GV mời 2 – 3 HS đọc nội dung bài học. Cả lớp đọc thầm theo.– GV có thể nhấn mạnh ý hoặc trình bày sơ đồ để HS nắm chắc bài học. | - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.- Bài văn có 5 đoạn:

|  |  |
| --- | --- |
| Các đoạn trong bài văn | Nội dung của mỗi đoạn |
| Đoạn 1 (từ đầu đến … *Đẹp quá*!) | Mở đầu bài văn; giới thiệu người sẽ tả: Hạng A Cháng. |
| Đoạn 2 (từ *A Cháng đẹp người**thật*… đến … *trời trồng*) | Tả ngoại hình của A Cháng. |
| Đoạn 3 (từ *Nhưng phải nhìn Hạng A Cháng cày*… đến…*đeo cung**ra trận*). | Tả hoạt động của A Cháng (đeo cày, dắt trâu ra ruộng). |
| Đoạn 4 (từ *Tới nương*…đến …*gấp gấp*…) | Tiếp tục tả hoạt động của A Cháng (cày ruộng). |
| Đoạn 5 (phần còn lại). | Kết thúc bài văn, ca ngợi sức lực tràn trề củaA Cháng – niềm tự hào của dòng họ Hạng. |

- HS đọc: Xếp các đoạn văn trên vào mỗi phần phù hợp: mở bài, thân bài, kết bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Các đoạn trong bài văn Hạng A Cháng** | **Các phần trong bài văn tả người** |
| Đoạn 1 (Mở đầu bài văn; giới thiệu ngườiđược tả). | MỞ BÀI |
| Đoạn 2 (Tả ngoại hình). | THÂN BÀI |
| Đoạn 3 (Tả hoạt động). |
| Đoạn 4 (Tả hoạt động). |
| Đoạn 5 (Kết thúc bài văn, nêu cảm nghĩ vềngười được tả) | KẾT BÀI |

- HS trả lời:+ Bài văn tả người gồm 3 phần.+ Mở bài: Giới thiệu người được tả.+ Thân bài: Tả ngoại hình; tả hoạt động, tính cách.+ Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** - Học sinh trao đổi được với bạn về cấu tạo bài văn tả người. |
| **Hoạt động 2: Trao đổi với bạn về cấu tạo bài văn tả người.****Cách tiến hành:**– GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập Luyện tập. Cả lớp đọc thầm theo.- GV cho HS thảo luận nhóm 4, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để hoàn thành BT:*Bài văn sau đây có những điểm nào giống và khác bài văn Hạng A Cháng:**a. Về cấu tạo?**b. Về trình tự miêu tả?*- Đại diện 1 nhóm lên trình bày, HS các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.- GV bổ sung:+ Trong bài văn *Chị Hà*, nhà văn bổ sung thông tin giới thiệu nhân vật (chị Hà ở trong đoàn thanh niên xung kích của huyện đến giúp xã) vào phần thân bài có thể là vì nhân vật “tôi” chỉ biết thông tin ấy khi đã gặp gỡ và trò chuyện với chị Hà. Cách viết của nhà văn rất tự nhiên. Tuy nhiên, để viết cho tự nhiên như vậy rất khó. Các em mới bắt đầu tập viết bài văn tả người, chưa nên viết theo cách này.+ Mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn tả người có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. VD: Phần thân bài của bài *Chị Hà* gồm 1 đoạn văn, còn phần thân bài của bài *Hạng A Cháng* gồm 3 đoạn văn. | - HS đọc.- HS thảo luận và hoàn thành câu hỏi:**Điểm giống nhau:** Về cấu tạo, bài văn có 3 phần:+ Mở bài: Giới thiệu người được tả.+ Thân bài: Tả ngoại hình và hoạt động của người được tả.+ Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả.

|  |
| --- |
| Điểm khác nhau |
| Bài văn Hạng A Cháng | Bài văn Chị Hà |
| - **Về cấu tạo**: Thân bài gồm 3 đoạn văn.- **Về trình tự miêu tả**: Tả ngoại hình trước, tả hoạt động sau. | - **Về cấu tạo**: Thân bài gồm 1 đoạn văn.- **Về trình tự miêu tả**: Tả đan xen ngoại hình và hoạt động. Đan xen 1 câu giới thiệu thêm về nhân vật khi tả ngoại hình (Chị đến trong đoàn … giống lúa mới). |

 |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
| - HS nhắc lại nội dung bài học.- GV nhận xét tiết học; biểu dương những HS tiến bộ.- GV dặn HS đọc lại 2 bài văn Hạng A Cháng, Chị Hà để chuẩn bị cho Bài viết 2. | - HS nêu lại.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Toán**

**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Luyện đọc, viết tỉ số của hai số

Làm quen với sơ đồ biêu thị tì số của hai số.

- Phát triển các NL toán học như: Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về tỉ số của hai sổ, cách đọc, viết và quan sát sơ đồ đoạn thẳng biêu diễn tỉ số cùa hai số. HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giai quyết vấn dề toán học, NL giao liếp toán học.

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**-** Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Trò chơi Ai nhanh hơn?GV đưa ra một số yêu cầu, HS nào có câu trả lời nhanh thì ra tín hiệu. Tỉ số của 3 và 5 là bao nhiêu?Tỉ số của 5 và 3 là bao nhiêu? GV viết bảng, yêu cầu HS đọc: Tỉ số 3:7; 4/3 | HS trả lời – nhận xét |
| -GV nhận xét, tuyên dương- Giới thiệu bài.  |  |
| **B. Luyện tập thực hành**\*Mục tiêu: HS Tìm được tỉ số của 2 số. Hiểu được ý nghĩa tỉ số. Làm quen với sơ đồ biểu thị tì số của hai số.  |
| **Bài 3.**  Gọi HS đọc đề bài | HS đọc |
| * Bài tập có mấy yêu cầu?
 | BT có 3 yêu cầu |
| -Muốn tìm tỉ số của số a với số b ta làm thế nào? | Ta lấy số a chia số b |
| Muốn tìm tỉ số cúc màu xanh và số cúc màu đỏ ta làm thế nào? | Số cúc màu xanh chia số cúc màu đỏ |
| Số cúc màu xanh là bao nhiêu? | Số cúc màu xanh là 4c |
| Số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | Số cúc màu đỏ là 5c |
| Vậy tỉ số của số cúc màu xanh với số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | 4:5 hoặc 4/5 |
| Tương tự như vậy, thực hiện phần b,c |  |
| GV gọi HS trình bày cách viết tỉ số ở từng phần | HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  |
| GV nhận xét, tuyên dương |  |
| -Muốn tìm tỉ số của 2 số ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của 2 số ta lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai.  |
| **Bài 4**. Gọi HS đọc bài.  | HS đọc bài.  |
| Em hiểu số tiền tiết kiệm cùa Châu gấp 4 lẩn số tiền tiết kiệm cùa Nguyên là thế nào? | * Nếu số tiền của Nguyên là 1 phần thì số tiền cùa Châu bằng 4 phần.
 |
| * Quan sát sơ đồ đoạn thẳng, trong đó số tiền của Nguyên biểu diễn bằng 1 đoạn thẳng, so tiền của Châu biểu diễn bằng 4 đoạn thẳng (các đoạn thẳng bằng nhau).
 | -HS lắng nghe |
| -Thảo luận nhóm đôi: Hãy trao đổi, suy nghĩ để tìm tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu.  | HS thảo luận nhóm đôi. Trả lời câu hỏi.  |
| -Gọi các nhóm trình bày | Các nhóm trình bày, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  |
| -GV nhận xét chung |  |
| * GV tóm tăt *tiên trình* giãi bài toán: số tiền tiết kiệm cùa Nguyên chiếm 1 phần thì của Châu chiếm 4 phần 🡪 Sơ đồ hoá 🡪 Chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số.
 | HS lắng nghe |
| * Ngược lại, tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu là ¼ nghĩa là số tiền của Nguyên 1 phần thì số tiền của Châu bằng 4 phần như thế.
 | HS lắng nghe |
| **C. Hoạt động vận dụng**\*Mục tiêu: HS làm quen với sơ đồ biêu thị tì số của hai số.  |
| **Bài 5**. Yêu cầu HS tự đọc bài | HS đọc bài |
| Số vở của Minh bằng 2/5 số vở của Khuê nghĩa là gì? | Nghĩa là số vở của Minh là 2 phần thì số vở của Khuê bằng 5 phần như thế.  |
| GV hướng dẫn biểu diễn trên sơ đồ đoạn thẳng.  | HS quan sát |
| Qua sơ đồ, hãy thực hiện các yêu cầu của bài tập. Suy nghĩ tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai sô rồi viết câu trả lời.  | HS thực hiện |
| Yêu cầu HS chia sẻ cùng bạn | HS chia trẻ trong nhóm |
| Gọi HS trình bày trước lớp | - Trả lời:a) Tỉ số giữa số vở của Minh và số vở của Khuê là 2 : 5 hay 2/5. b) Tỉ số giữa số vở của Khuê và số vở của Minh là 5 : 2 hay 5/2c) Ti sô giữa số vở của Minh và tổng số vở của hai bạn là 2 : 7 hay 2/7- Nói cho bạn nghe cách làm.  |
| Như vậy, tỉ số của 2 số có thể được biểu thị qua sơ đồ đoạn thẳng.  |  |
| Hãy lấy ví dụ minh chứng | HS phát biểu |
| **Củng cố, dặn dò**- Qua bài này, các em biết thêm được điêu gì? | -HS phát biểu, nhắc lại nội dung bài |
| * Nhắc HS về nhà, các em ôn các vân đề: Tỉ số của hai số, cách đọc, viết các tỉ số; quan sát sơ đồ đoạn thẳng biều diễn tỉ số cua hai số rồi tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai số.
 |  |
| Tìm tình huống thực tế liên quan den ti số cua hai số, hôm sau chia sé với các bạn.  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**Lịch sử và Địa lí**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM**

**Tiết 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực lịch sử và địa lí**

- Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.

- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.

**2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK.

- Một số hình ảnh minh họa về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh**

- SGK, tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| - Bước 1: GV nêu câu hỏi ở phần khởi động trang 10 SGK:+ Khi nói về thiên nhiên, em nghĩ đến những thành phần nào?+ Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về thiên nhiên Việt Nam.- Bước 2: HS trả lời các câu hỏi.- Bước 3: Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời câu hỏi và chia sẻ với các bạn.- Đất, nước, cây cối,…- Đẹp, phong phú, đa dạng,… |
| **B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ**\*Mục tiêu:- Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.\*Cách tiến hành: |
| **1. Đặc điểm thiên nhiên*****a) Tìm hiểu về địa hình và khoáng sản ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ sau:Đọc thông tin và quan sát hình 1 trang 11 SGK, em hãy:+ Trình bày một số đặc điểm của địa hình, và khoảng sản ở Việt Nam. | - Phần lớn diện tích là đồi núi thấp và đồng bằng. Có nhiều loại khoáng sản phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... |
| + Xác định trên lược đồ các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam, các dãy núi có hướng vòng cung và các đồng bằng lớn ở Việt Nam.+ Kể tên và chỉ trên lược đồ một số khoáng sản chính ở Việt Nam. | - HS thực hành xác định trên lược đồ. |
| - Bước 2: Đại diện một nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Một số nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ/ bản đồ. | - Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:+ Trên phần đất liền Việt Nam, 3/4 diện tích là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, 1/4 diện tích là đồng bằng và chủ yếu là đồng bằng do phù sa sông bồi đắp.+ Việt Nam có nhiều loại khoáng sản nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| ***b) Tìm hiểu về khí hậu ở Việt Nam***- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ sau:+ Đọc thông tin, em hãy trình bày một số đặc điểm khí hậu ở Việt Nam.+ Hãy chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) mà em đã tìm hiểu. (câu hỏi này không bắt buộc, khuyến khích HS làm). | - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.- HS chia sẻ theo hiểu biết của cá nhân. |
| - Bước 2: Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) (nếu có). Một số nhóm khác nhận xét, bồ sung câu trả lời. | - Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:+ Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, với tính chất nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.+ Khí hậu nước ta có sự khác nhau giữa phần lãnh thổ phía bắc và phần lãnh thổ phía nam dãy Bạch Mã. | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| **\*Củng cố, dặn dò:** |  |
| - Các khoáng sản tồn tại ở đâu? | - Nằm sâu trong lòng đất. |
| - Các khoáng sản đó con người có thể khai thác và sử dụng được hay không? | - Con người có thể khai thác và sử dụng được. |
| - Theo em, khoáng sản chúng hình thành và tồn tại trong tự nhiên hay do con người tạo ra? | - Chúng được hình thành và tồn tại trong tự nhiên. |
| - Vì vậy chúng ta cần phải khai thác và sử dụng như thế nào? | - Chúng ta cần phải khai thác và sử dụng hợp lí, có kế hoạch. |
| - Nhận xét, tuyên dương.- Nhận xét tiết học. | - Nhận xét. |
| - Các em về nhà xem lại bài và chuẩn bị cho phần tiếp theo của bài. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Khoa học**

**BÀI 2**

 **HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

Hỗn hợp là gì?. Phân biệt được hỗn hợp từ các ví dụ đã cho.

**2. Năng lực chung:**

*Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động tìm hiểu về các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách tạo ra các hỗn hợp, dung dịch có thể sử dụng trong thực tế, ví dụ: Hỗn hợp muối tiêu; dung dịch nước cam…

**3. Phẩm chất**:

*Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*Trách nhiệm*: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Dụng cụ thí nghiệm. Phiếu học tập.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu kết nối vào bài học. **b. Cách tiến hành:** |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, thảo luận và trả lời câu hỏi:*Trong cốc A và B ở hình 1 có chứa gì? Sau khi khuấy đều và để lắng, em còn nhìn thấy muối ăn hay cát trong mỗi cốc không? Vì sao?*- GV mời 1 HS trả lời câu hỏi.   - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cả hai cốc đều có hai thành phần trộn lẫn với nhau, gọi là hỗn hợp. Vậy làm thế nào để phân biệt được hỗn hợp và dung dịch? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài* ***Bài 2 – Hỗn hợp và dung dịch.*** | - HS quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời câu hỏi.     - HS trả lời:*Sau khi khuấy đều và để lắng, không còn nhìn thấy muối ăn trong cốc A do muối ăn đã hòa tan trong nước nhưng vẫn còn nhìn thấy cát trong cốc B do cát không hòa tan trong nước.*- HS lắng nghe, ghi bài.  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****a. Mục tiêu:** Nêu được số lượng chất có trong hỗn hợp; nêu được tính chất của mỗi chất trong hỗn hợp không thay đổi; làm được thí nghiệm tạo hỗn hợp; nhận biết được các chất trong hỗn hợp có thể hòa tan vào nhau hoặc không hòa tan vào nhau.**b. Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 1: Thực hành tạo hỗn hợp**- GV yêu cầu HS đọc nội dung trong mục Con ong SGK trang 12 để có kiến thức ban đầu về hỗn hợp. - GV chia lớp thành các nhóm 4.- GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 1 theo hướng dẫn trong SGK trang 12, 13.- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập số 1 *(đính kèm dưới hoạt động).*- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập của nhóm mình lên bảng chung. Các nhóm khác nhận xét chéo, kiểm chứng để chuẩn hóa kết quả Phiếu học tập số 1.- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có phần thực hành và kết quả báo cáo tốt. - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu về hỗn hợp thu được và so sánh với nội dung trong mục Con ong SGK trang 12 xem có phù hợp không.- GV nhận xét, tổng kết kiến thức về hỗn hợp.- GV cung cấp thông tin: *Hỗn hợp thu được là bột canh được sử dụng trong cuộc sống, có thể thêm, bớt thành phần để có vị phù hợp với sở thích và mục đích.*- GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 2 theo 4 dựa vào hướng dẫn trong SGK trang 13.- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập số 2 *(đính kèm dưới hoạt động).*- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập của nhóm mình lên bảng chung. Các nhóm khác nhận xét chéo, kiểm chứng để chuẩn hóa kết quả Phiếu học tập số 2.- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có phần thực hành và kết quả báo cáo tốt. - GV nêu câu hỏi mở rộng: *Em có nhận xét gì về đặc điểm của hỗn hợp từ hai thí nghiệm trên?*- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, nêu đáp án: *Hỗn hợp có thể tạo thành từ hai chất trở lên. Hỗn hợp có tính chất của mọi chất trong hỗn hợp. Hỗn hợp có thể hòa tan hoặc không hòa tan vào nhau.* | - HS đọc bài: *Hỗn hợp có từ hai chất trở lên trộn lẫn với nhau. Mỗi chất trong hỗn hợp vẫn giữ nguyên tính chất của nó.*- HS chia thành các nhóm.- HS đọc nội dung trong SGK và tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.- HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả *(đính kèm dưới hoạt động).*  - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS phát biểu: *Mỗi chất trong hỗn hợp vẫn giữ nguyên tính chất của nó ⇒ giống với nội dung mục Con ong.* - HS lắng nghe, ghi bài.- HS lắng nghe, tiếp thu, ghi nhớ.   - HS chia nhóm, làm thí nghiệm theo hướng dẫn*.* - HS lắng nghe yêu cầu của GV.   - Đại diện nhóm trình bày kết quả *(đính kèm dưới hoạt động).*  - HS lắng nghe, phát huy. - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.   - HS trả lời.  - HS lắng nghe, chữa bài.  |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH****a. Mục tiêu:**Nêu được các hỗn hợp trong cuộc sống hằng ngày. **b. Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 2: Tìm ví dụ về hỗn hợp trong cuộc sống**- GV chia lớp thành các 4 nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn yêu cầu HS làm câu hỏi 2,3 SGK trang 13 trên bảng nhóm.- GV đi đến các nhóm hướng dẫn HS tìm các hỗn hợp thường gặp trong cuộc sống sau đó ghi câu trả lời vào câu 6, Bài 2 VBT.- GV yêu cầu các nhóm treo kết quả làm việc theo kĩ thuật khăn trải bàn trước lớp. Các HS khác đọc và góp ý, nhận xét sản phẩm của nhau.    - GV nhận xét, chữa bài, cho điểm các nhóm có nhiều câu đúng.- Lưu ý: *GV ghi các hỗn hợp HS tìm được trên bảng theo 2 cột, trong đó 1 cột là dung dịch để dẫn dắt vào nội dung 2. Dung dịch. GV chụp lại bảng, dùng để chiếu vào tiết sau.* | - HS chia nhóm, thực hiện yêu cầu của GV. - HS lắng nghe GV hướng dẫn. - HS trình bày:***Câu 2:****Không khí là hỗn hợp, vì không khí bao gồm các chất khí: ni-tơ, ô-xi, các-bô-níc, hơi nước,....****Câu 3:****Một số hỗn hợp thường gặp trong cuộc sống: món canh, cốc nước trà, xôi đậu đen, bột ngũ cốc, sữa, rác trong thùng đựng rác,...*- HS chữa bài.- Lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM****a) Mục tiêu:** - HS củng cố kiến thức sau bài học.- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.**b) Cách tiến hành:** |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:+ Nêu những hiểu biết của em về hỗn hợp? Cho ví dụ - GV cho HS chia sẻ trước lớp.- GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.- GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau.  | - HS chia sẻ trước lớp:+ Hỗn hợp là hai hay nhiều chất trộn lẫn vào nhau. Mỗi chất trong hỗn hợp được gọi là một chất thành phần ( Nước muối sinh ly)- HS chia sẻ trước lớp.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Thứ Tư ngày 25 tháng 9 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI: *BẠN NAM, BẠN NỮ***

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

– HS phát biểu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi

hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.

– Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

– Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn trong khi trao đổi để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

– Bước đầu biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm nghĩ về câu chuyện hoặc nhân vật trong câu chuyện.

– Bước đầu biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để nêu ý kiến của mình về bài nói của bạn.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe). Có suy nghĩ đúng đắn: có nhận thức đúng về bình đẳng giới; biết quan tâm, giúp đỡ bạn; biết trân trọng những suy nghĩ và hành động tốt của bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò: “Tiếp sức”.- Luật chơi: GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 6 bạn đứng thành 2 dãy, lần lượt các thành viên trong nhóm sẽ lên viết những ưu điểm của nam và nữ. (VD: Nhóm nam sẽ viết ưu điểm của nữ, nhóm nữ sẽ viết ưu điểm của nam).– GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã kể được rất nhiều ưu điểm của bạn nam và bạn nữ. Trong tiết *Nói và nghe* hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau chia sẻ cảm nghĩ về một bạn trong câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc nêu cảm nghĩ về chính câu chuyện này. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.- HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó. |
| **Hoạt động 1: Phát biểu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.****Cách tiến hành:**- GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài (Lựa chọn 1 trong 2 đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện “Lớp trưởng lớp tôi”. / Phát biểu cảm nghĩ của em về câu chuyện “Lớp trưởng lớp tôi”.)- HS đọc yêu cầu và gợi ý ở các đề 1, 2.- GV hỏi 1 – 2 HS làm mẫu:+ Em chọn đề nào?+ Nếu HS chọn đề 1: Em sẽ nêu cảm nghĩ về nhân vật nào? Vì sao em chọn nhân vật đó? (Ngoài nhân vật lớp trưởng Vân, HS có thể thích các nhân vật khác như Lâm “Voi”, Quốc “Lém” hoặc “tôi” – vì các nhân vật ấy khi đã hiểu Vân thì đều thay đổi cách đánh giá về bạn; hoặc vì Lâm “Voi”, Quốc “Lém” có những biệt hiệu rất ngộ nghĩnh.). + Nếu HS chọn đề 2: Em thích nhất điều gì ở câu chuyện đó? Vì sao?– GV tổ chức cho HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2. **Hoạt động 2: Trao đổi suy nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó với các bạn trong nhóm.****Cách tiến hành:**- GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS để thảo luận.- HS luân phiên trình bày và thảo luận theo gợi ý trong SGK:**Đề 1:** Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện “Lớp trưởng lớp tôi”.- Giới thiệu nhân vật: tên nhân vật; nêu ý kiến về hoạt động, tính cách của nhân vật (những suy nghĩ, hành động của nhân vật khiến em chú ý, cảm thấy thú vị; cảm nghĩ của em về nhân vật; điều em muốn nói với nhân vật;...);...- Trao đổi về nhân vật mà bạn giới thiệu.**Đề 2:** Phát biểu cảm nghĩ của em về câu chuyện“Lớp trưởng lớp tôi”.- Nêu ý kiến về câu chuyện: những chi tiết trong câu chuyện khiến em thích thú và lí do em thích những chi tiết đó; câu chuyện có những nhân vật nào, nhân vật để lại cho em ấn tượng sâu sắc / đặc biệt nhất và lí do, điều câu chuyện muốn nói với em, bài học em rút ra được cho bản thân qua câu chuyện, …- Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.- GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. | - HS lắng nghe.- HS đọc.- Học sinh tiến hành lựa chọn đề và ngồi theo dãy bàn giáo viên phân công.– HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.- Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH, mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn. - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.- HS lắng nghe. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
| - Học sinh về nhà nói lại suy nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.- GV dặn dò, nhận xét tiết học. |  |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Tiếng Việt**

**BÀI ĐỌC 2**

**MUÔN SẮC HOA TƯƠI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Mỗi bạn học sinh, dù là nam hay là nữ, đều rất đáng quý, đáng yêu; nên quý mến, tôn trọng bạn, dù đó là bạn nam hay bạn nữ.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Bước đầu cảm nhận được từ ngữ hay, hình ảnh đẹp và có ý nghĩa trong bài thơ; chia sẻ được cảm nhận của mình với cô (thầy) và các bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| **- Giáo viên có thể cho học sinh nghe và hát bài *Lớp chúng mình* để tạo không khí tích cực cho giờ học.****- Chúng ta đang học chủ điểm Bạn nam, bạn nữ. Ở Bài đọc 1, các em đã đọc bài *Lớp trưởng lớp tôi* và biết về một bạn nữ lớp trưởng học giỏi, xốc vác, biết quan tâm đến mọi người, lo lắng cho công việc chung, khiến các bạn trong lớp đều yêu quý và tin tưởng. Hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về chủ điểm *Bạn nam, bạn nữ* thông qua bài thơ *Muôn sắc hoa tươi*..** |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC****Mục tiêu:** - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.– Hiểu nghĩa của các từ ngữ ít thông dụng được chú giải trong bài. - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng****- Cách tiến hành:**– GV đọc mẫu bài thơ, giọng hồn nhiên, vui tươi; kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương (VD: chan hoà, phái yếu, phái mạnh,...).– GV lưu ý HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương. VD: lúc nắng, lúc nào, nên (MB); buồn lắm, vắng, đặc biệt, chan hoà, đoàn kết (MN); chẳng, nữ, khoẻ, sẽ, nhỏ (MT). Chú ý nghỉ hơi cuối dòng thơ hợp lí để các dòng thơ liền mạch về nghĩa, không bị ngắt quãng; nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng. VD:Thời gian / **có đêm và ngày** // Thời tiết / **lúc mưa lúc nắng** // Trái Đất này / **sẽ buồn lắm** // Nếu **thiếu bạn** / hay **vắng tôi**.– HS đọc từ ngữ khó, đọc nối tiếp các khổ thơ theo hướng dẫn của GV.– Một số HS đọc toàn bài thơ.**Hoạt động 2: Đọc hiểu****- Cách tiến hành**- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi.- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Hỏi đáp trước lớp..- GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:+ Mỗi nhóm 2 bạn sẽ lên trước lớp. Bạn thứ nhất hỏi câu 1, bạn thứ hai trả lời. Sau đó bạn thứ hai hỏi câu 2, bạn thứ nhất trả lời. Lần lượt như thế đến hết. Sau đó cho họ sinh nhận xét và nhóm khác tiếp tục.*(1) Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hai khổ thơ đầu?**(2) Vì sao “lớp của chúng mình” rất đáng yêu?**(3) Khổ thơ 4 khẳng định điều gì?**(4) Tìm trong khổ thơ cuối một hình ảnh đẹp thể hiện ý nghĩa của bài thơ.* - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo. - Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.- HS đọc toàn bài thơ.- HS đọc.  - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.*(1) Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hai khổ thơ đầu?**(2) Vì sao “lớp của chúng mình” rất đáng yêu?**(3) Khổ thơ 4 khẳng định điều gì?**(4) Tìm trong khổ thơ cuối một hình ảnh đẹp thể hiện ý nghĩa của bài thơ.*- Tác giả muốn nói: Cuộc sống có bạn nữ, bạn nam cũng giống như thiên nhiên có ngày và đêm, có mưa và nắng. Dù là nam hay nữ, các bạn đều có những điểm đáng quý, đáng yêu; không có ai đặc biệt hơn người khác chỉ vì là nam hay là nữ.- Vì các bạn trai, bạn gái trong lớp luôn chan hoà, đoàn kết với nhau, đua nhau chăm học, chăm làm, lớp học luôn vui vẻ.- Khổ thơ khẳng định không có ai là phái yếu, cho dù là nữ hay nam. Khổ thơ cũng khuyên các bạn nhỏ hãy tự tin, chung sức giúp mọi người; khi đó, dù là nữ hay nam, bạn đều là phái mạnh.- HS có thể nêu các hình ảnh *Mỗi người một ngôi sao nhỏ / Trường ta muôn sắc hoa tươi.* Những hình ảnh này so sánh các bạn nam, bạn nữ trong trường đẹp như những ngôi sao nhỏ, những bông hoa tươi. Qua các hình ảnh đó, bài thơ cho thấy bạn nào cũng rất quan trọng, cũng xinh đẹp, đáng yêu, dù là nam hay nữ.- Mỗi bạn học sinh, dù là nam hay là nữ, đều rất đáng quý, đáng yêu; nên quý mến, tôn trọng bạn, dù đó là bạn nam hay bạn nữ.- HS trả lời.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp |  |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc****- Cách tiến hành:**– GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể cho các nhóm thi đọc diễn cảm với nhau.- GV chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc. VD:**Ai cũng quan trọng** trên đời // Mỗi người / **một ngôi sao nhỏ** // Trường ta / **muôn sắc hoa tươi** // Bởi **bạn và tôi** ở đó. - GV nhận xét việc đọc của HS. | - 2- 3 HS trình bày trước lớp.- HS lắng nghe. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Muôn sắc hoa tươi?- GV nhận xét, khích lệ HS.- Dặn dò: GV nhắc HS về nhà luyện đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM**

**Tiết 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực lịch sử và địa lí**

- Trình bày được một số đặc điểm của sông ngòi ở Việt Nam.

- Trình bày được một số đặc điểm của đất và rừng ở Việt Nam.

**2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK.

- Một số hình ảnh minh họa về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- SGK, tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| - Cho HS xem video về cảnh sông nước Việt Nam và nêu cảm nhận của bản thân.- Để biết được những ý kiến các em vừa nêu có đúng hay không? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu phần tiếp theo của bài 2: Thiên nhiên Việt Nam | - Nhiều con sông lớn nhỏ khác nhau, sông có nhiều nhánh, mạng lưới sông dày đặc,…- Lắng nghe, ghi bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ**\*Mục tiêu:- Trình bày được một số đặc điểm của sông ngòi ở Việt Nam.- Trình bày được một số đặc điểm của đất và rừng ở Việt Nam.\*Cách tiến hành: |
| **1. Đặc điểm thiên nhiên*****c) Tìm hiểu về sông ngòi ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trang 11, 12 SGK, em hãy: + Trình bày một số đặc điểm sông ngòi ở Việt Nam. + Kể tên và chỉ trên lược đồ một số sông lớn của Việt Nam theo thứ tự từ bắc vào nam. | - Các nhóm trao đổi sau đó trình bày ý kiến của nhóm.- Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước; tuy nhiên có ít sông lớn. Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa.- Sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu,... |
| - Bước 2: Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ/ bản đồ.*Gợi ý HS:* Tên một số sông lớn của Việt Nam theo thứ tự từ bắc vào nam: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu,... |  |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết: Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước; tuy nhiên có ít sông lớn. Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa. | - Lắng nghe. |
| ***d) Tìm hiểu về đất và rừng ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ sau:Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 6, em hãy hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Phân bố | Đặc điểm |
| LOẠI ĐẤT |
| Phe-ra-lít |  |  |
| Phù sa |  |  |
| KIỂU RỪNG |
| Rừng rậm nhiệt đới |  |  |
| Rừng ngập mặn |  |  |

 | - HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu vào phiếu học tập. |
| - Bước 2: Đại diện một nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Một số nhóm khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm báo cáo. |  |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:+ Việt Nam có nhiều loại đất. Hai loại đất chiếm diện tích lớn hơn cả là đất phe-ra-lit và đất phù sa.+ Việt Nam có nhiêu kiểu rừng, trong đó rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.Lưu ý: Tùy tình hình cụ thể về khả năng học tập của HS, GV có thể không đi theo trình tự tổ chức các hoạt động dạy học như mục 1 mà có thể tổ chức cho mỗi nhóm tìm hiểu đặc điểm của ít nhất một yếu tố tự nhiên, sau đó trình bảy kết quả để tổng hợp nên đặc điểm thiên nhiên của Việt Nam. |  |
| \*Củng cố, dặn dò: |  |
| - Theo em sông ngòi ở nước ta là những con sông dài hay ngắn? | - Ngắn và dốc |
| - Vì sao sông ngòi ở nước ta ngắn và dốc? | - Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, hình dạng lãnh thổ hẹp ngang nên sông ngòi nước ta chủ yếu là các con sông nhỏ, ngắn và dốc. |
| - Nhận xét, tuyên dương.- Nhận xét tiết học. | - Nhận xét. |
| - Yêu cầu HS về xem lại bài và chuẩn bị phần tiếp theo của bài. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết 2**

**HĐGD THEO CHỦ ĐỀ: NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN TÌNH THẦY TRÒ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- Nêu được những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.**

**- Thực hiện được những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò trong một số tình huống cụ thể.**

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**

- Thể hiện được tình cảm, sự trân trọng đối với thầy cô giáo.

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- Giáo viên: SGK, chương trình hoạt động.

- Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY –HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới. |
| **b) Cách tiến hành** - GV chia HS thành các nhóm (4 – 6 HS) và giao nhiệm vụ: *Nêu những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ nói về công ơn của thầy cô.* - GV mời đại diện các nhóm lần lượt đọc đáp án. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí*:* *+ Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy**Nghĩ sao cho bõ những ngày ước mong.**+ Thời gian dẫu bạc mái đầu**Tim trò vẫn tạc đậm câu ơn thầy.**+ Tiên học lễ, hậu học văn.**+ Nhất tự vi sư, bán tự vi sư,...*- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học. | - HS lắng nghe câu hỏi.- HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe và tiếp thu. - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ về chủ đề Nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò****a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS đề xuất được những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình cảm thầy, cô.**b. Cách tiến hành:*****Nhiệm vụ 1: Chia sẻ ý kiến của em về chủ đề Nuôi dưỡng, giữ gìn tình cảm thầy, cô***- GV tổ chức cho HS chia sẻ cặp đôi theo các nội dung:*+ Cách em ứng xử và giao tiếp với thầy cô.**+ Những việc em đã làm để nuôi dưỡng và giữ gìn tình thầy trò.**+ Cảm xúc của em khi thực hiện các việc làm đó.* - GV mời một số cặp HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí và khen ngợi HS:*+ Cách em ứng xử và giao tiếp với thầy cô: dùng kính ngữ, lễ phép, thể hiện sự tôn trọng, quan tâm thầy cô...**+ Những việc em đã làm để nuôi dưỡng và giữ gìn tình thầy trò: Hỏi thăm sức khỏe của thầy cô, giúp đỡ thầy cô khi cần...**+ Cảm xúc của em khi thực hiện các việc làm đó: vui, phấn khởi...****Nhiệm vụ 2: Đề xuất những việc cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.***- GV tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp, đề xuất những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò. - GV khuyến khích HS mạnh dạn đưa ra ý kiến. - GV ghi nhận những đáp án hợp lí và ghi vào bảng phụ. - GV mời 1 – 2 HS tổng kết lại những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.- GV nhận xét, kết luận: *Trong hành trình trưởng thành của mình, các em luôn có thầy cô giáo dạy dỗ, bảo ban, quan tâm và giúp đỡ. Các em hãy luôn trân trọng và dành nhiều tình cảm để tri ân tới thầy cô của mình, ứng xử lễ phép với thầy cô,...để vun đắp, nuôi dưỡng tình thầy trò thêm khăng khít, gắn bó.* **Hoạt động 2: Thực hành những việc làm nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.** **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS thực hành những việc làm nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò trong tình huống cụ thể. **b. Cách tiến hành:*****Nhiệm vụ 1: Đóng vai thực hành những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.***- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 – 6 HS- GV yêu cầu HS: *+ Đọc tình huống SGK tr.11.**+ Đóng vai thực hành những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.*- GV hướng dẫn các nhóm:*+ Thảo luận về những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò trong mỗi tình huống.**+ Phân vai và chuẩn bị lời thoại cho các thành viên.* - GV mời 2 – 3 nhóm trình bày phân vai xử lí tình huống trước lớp. HS khác quan sát, nhận xét.- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận cách xử lí hợp lí của các nhóm: *+ Tình huống 1: Lan rủ các bạn cùng ra giúp đỡ cô Lan bê chồng sách.**+ Tình huống 2: Huy nên nói cho bố mẹ về cô Hằng và có thể cùng bố mẹ đến chào hỏi cô.* ***Nhiệm vụ 2: Chia sẻ bài học em rút ra sau tình huống.*** - GV đặt câu hỏi mở rộng cho HS cả lớp: *+ Em thích phần đóng vai của nhóm nào nhất? Vì sao?**+ Em cảm thấy việc thực hiện lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò có khó không?**+ Em học được điều gì từ mỗi tình huống?* - GV mời một số HS trả lời. HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).- GV nhận xét đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí:*+ Em cảm thấy việc thực hiện lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò không khó.**+ Bài học được rút ra từ mỗi tình huống là việc giữ gìn tình cảm thầy trò được thể hiện trong cả lời nói và hành động. Bất cứ trong tình huống nào ta cũng có thể thực hiện điều đó.* - GV kết luận: *Thầy cô giáo là người đã dốc hết tâm huyết, cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, dạy các em nhiều bài học quý, chỉ bảo các em những điều hay. Cá em cũng chính là nguồn cảm hứng, động viên để thầy cô thêm gắn bó với nghề. Các em hãy luôn thể hiện tình cảm kính trọng, biết ơn với thầy cô giáo dù thầy cô giáo cũ, chào hỏi lễ phép, giúp đỡ thầy cô khi cần.* **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học về nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò. **b. Cách tiến hành*****Bài tập trắc nghiệm:*** - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:**Câu 1:** Đâu là cách để phát triển mối quan hệ với thầy cô?A. Kính trọng, lễ phép với thầy cô. B. Gần gũi, chia sẻ với bạn bè khó khăn trong học tập. C. Khuyến khích các bạn tham gia các hoạt động tập thể lớp.D. Cùng bạn thực hiện nhiệm vụ chung được giao.**Câu 2:** Theo em, đâu là vấn đề nảy sinh trong quan hệ thầy trò?A. Học sinh lễ phép, vâng lời thầy cô.B. Học sinh hoàn thành nhiệm vụ được thầy cô giao.C. Học sinh có thái độ hoặc lời nói vô tâm khiến thầy cô buồn lòng.D. Thầy cô tuyên dương học sinh có thành tích tốt.**Câu 3:** Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về chủ đề thầy trò?A. Có công mài sắt, có ngày nên kim.B. Không thầy đố mày làm nên.C. Trăm hay không bằng một thấy.D. Ăn có nơi, làm có chỗ.**Câu 4:** Nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc giữ gìn tình thầy trò?A. Làm chủ được cảm xúc, hành động khi có hiểu lầm.B. Chủ động giải thích, trình bày suy nghĩ một cách lễ phép.C. Quan tâm đến cảm xúc của thầy cô.D. Ngại ngùng khi phải tiếp xúc và trò chuyện với thầy cô.**Câu 5:** Đâu là cách để giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy trò?A. Đặt mình vào vị trí của thầy cô để thấu hiểu.B. Nhanh chóng đưa ra lời giải thích cho sự hiểu lầm.C. Giữ im lặng khi thầy cô hỏi han.D. Kể chuyện cho bố mẹ để được an ủi.- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.- GV nhận xét, chốt đáp án:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **B** | **D** | **A** |

**\* Củng cố dặn dò**- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- GV nhắc nhở HS:+ Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.+ Tìm hiểu việc làm phát huy truyền thống nhà trường. | - HS lắng nghe câu hỏi.- HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe và tiếp thu. - HS trao đổi.- HS nêu lại. - HS đóng vai theo nhóm. - HS thực hiện theo nhóm, xử lí tình huống trước lớp. - HS nêu ý kiến.- HS lắng nghe. - HS làm việc cá nhân. - HS trả lời. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe, tiếp thu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ Năm ngày 26 tháng 9 năm 2024**

**Toán**

BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 1)

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tông và tỉ sô cua hai sô dó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn gian.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tì số cùa hai số đó.
* Bàng phụ, phiếu học tập.
1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| * Chia sẻ 1 tình huống thực tế liên quan den tỉ số của hai số.
 | HS chia sẻ |
| Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | HS quan sát tranh |
| Có mấy loại bóng? | Có 2 loại bóng (xanh và dò).  |
| Tổng số bóng của cả hai loại là bao nhiêu quả? | Có tất cá (nghĩa là: tổng số bóng xanh và do) 15 quà bóng |
| - Tỉ sô bóng xanh và bỏng đó bao nhiêu? | Tỉ sô bóng xanh và bóng đó là 2/3 |
| Tính số bóng xanh và số bóng đỏ.  |  |
| Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | Cho biết tổng số bóng của 2 loại và tỉ số của 2 loại bóng đó |
| Bài toán yêu cầu gì? | Tìm hai loại bóng xanh và bóng đỏ |
| Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tông và ti sô cua hai so dó” |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán.  | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi
 |
|  | + Bài toán cho biêt: Tòng hai sô 15. Ti sô của hai sô là 2/3. + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”.  |
| Tỉ số cảu hai số là 2/3 biểu thị điều gì? | Nếu số bé là 2 phần bằng nhua thì số lớn là 3 phần như thế |
| GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ.  | HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ sô của hai số đó
 | HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  |
| GV gợi ý:  |  |
| Có tất cá bao nhiêu phần bằng nhau? | Có tất cà 2 + 3 = 5 phân bảng nhau |
| 5 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | 5 phần này có giá trị bằng tổng là 15 |
| Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | Tính giá trị 1 phẩn 15:5 = 3 |
| Muốn tìm sổ bé ta phái làm gì? | Lấy giá trị 1 phần nhân với số phần tương ứng, ta có: số bé là: 3 x 2 = 6 |
| Vậy số lớn bằng bao nhiêu? | Số lớn là: 3 X 3 = 9 hoặc 15-6 = 9 |
| * Gọi HS trình bày
 | HS nêu câu lời giải và trinh bày bài giải như SGK.  |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”, khi giải thường tiến hành theo các bước:+ Bước 1: Vẽ sơ đồ. + Bước 2: Tìm tống số phần bằng nhau. + Bước 3: Tìm giá trị một phần. + Bước 4: Tìm số bé. + Bước 5: Tìm số lớn.  | HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết tổng của hai số là 21. Tỉ số của hai số là 2/5.
 | HS trình bày theo các bước giải.  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số  |
| **Bài 1.**  Yêu cầu HS đọc | HS đọc bài.  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”.
 | HS xác định tổng, tỉ số của hai số trong từng trường hợp.  |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở
 | HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong.  |
| * Gọi HS trình bày bài.
 | HS trình bày, nhận xét.  |
| * GV nhận xét chung
 |  |
| **Bài 2**. Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định tổng, tỉ số của số lít sơn màu xanh và số lít sơn màu trắng.  |
| * HS làm bài nhóm đôi
 | - Vẽ sơ đô, suy nghi tìm môi quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | * HS trình bày bài vào vở
 |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp. Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**Tiếng Việt**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU GẠCH NGANG**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Hiểu tác dụng của dấu gạch ngang (dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích), vị trí của dấu gạch ngang (được đặt ở giữa bộ phận chú thích, giải thích và bộ phận được chú thích, giải thích).

– Tìm được dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

– Thêm được dấu gạch ngang vào vị trí phù hợp để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về dấu gạch ngang, trao đổi về kết quả làm BT), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chủ động, tự tin sử dụng dấu gạch ngang theo yêu cầu của BT). Bồi dưỡng PC trách nhiệm (có trách nhiệm trong hoạt động tập thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| – GV có thể cho HS chơi Trò chơi Thử tài siêu nhí. Cách chơi: GV sẽ đưa ra câu hỏi “Nêu tác dụng của dấu gạch ngang” để thử tài trí nhớ của HS trong lớp. HS lần lượt nêu các tác dụng của dấu gạch ngang đã học ở lớp 4. Bạn nào nêu đúng và đầy đủ nhất sẽ là người chiến thắng.- GV giới thiệu bài: Ở lớp 4, các em đã biết dấu gạch ngang có thể được dùng để đánh dấu lời nói của nhân vật, đánh dấu các ý được liệt kê hoặc nối các từ ngữ trong một liên danh. Bài học hôm nay sẽ cho các em biết thêm một tác dụng khác của dấu gạch ngang. Chúng ta cùng tìm hiểu đó là tác dụng gì nhé. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC****Mục tiêu:** - Giúp học sinh hiểu được tác dụng của dấu gạch ngang, vị trí của dấu gạch ngang.- Tìm được dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.- Thêm được dấu gạch ngang vào vị trí phù hợp để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu gạch ngang****Cách tiến hành:** - GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT (Nhận xét về vị trí và tác dụng của mỗi dấu gạch ngang trong mẩu truyện Quà tặng bố.). Cả lớp đọc thầm theo.- GV cho HS thảo luận theo nhóm 2 để hoàn thành bài tập.- GV tổ chức cho HS trình bày kiến thức cần ghi nhớ vừa rút ra từ phần *Nhận xét.*- 2 HS đọc lại kiến thức cần nhớ. | - HS đọc.- HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.- Đại diện 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp, các HS khác nêu ý kiến. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** - Tìm dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong đoạn truyện.- Thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong đoạn truyện để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích |
| **Hoạt động 2: Luyện tập về dấu gạch ngang****Cách tiến hành:*****1. Tìm dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong đoạn truyện (BT 1)***- Giáo viên mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.- GV cho học sinh suy nghĩ cá nhân và tìm dấu gạch ngang trong đoạn truyện rồi tìm trong số đó những dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.- GV cho HS trao đổi ý kiến theo nhóm 2.- GV chốt đáp án đúng: Các dấu gạch ngang có tác dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (bộ phận được in nghiêng). GV giải thích tác dụng cụ thể của bộ phận ấy:**2. Thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong đoạn truyện để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (BT 2).**- GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.- GV chốt đáp án đúng:“Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị cho bài viết sắp tới nhé!” – đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật. | - HS đọc.- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình trước lớp:

|  |  |
| --- | --- |
| **Vị trí của các dấu gạch ngang** | **Tác dụng của dấu gạch ngang** |
| Dấu gạch ngang đầu câu:− *Con hi vọng món quà nhỏ này...* | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. |
| Các dấu gạch ngang ở giữa câu hoặc ởphần cuối câu. | Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thíchtrong câu hoặc trong đoạn văn. |

- HS đọc.- HS làm việc cá nhân: đọc thầm đoạn truyện, sau đó làm bài vào phiếu học tập.- Một số HS báo cáo kết quả, các HS khác nêu ý kiến. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
| - GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?- Điều đó giúp em việc gì?- Học sinh về nhà học thuộc phần ghi nhớ. | - HS nhắc lại nội dung bài học.- Biết được tác dụng, vị trí của dấu gạch ngang để tìm và thêm dấu gạch ngang đúng chỗ. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Chiều:**

**Toán**

BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 2)

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và ti sô của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn giản.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đaề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tỉ số cùa hai số đó.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Tổ chức cho HS chơi Truyền điện. Yêu cầu Nối tiếp nhắc lại các bước giải trong dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  | HS tham gia chơi. Lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có) |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số  |
| **Bài 3.**  Gọi HS đọc bài |  |
| Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”.  | HS xác định tổng, tỉ số của số gạo tẻ và số gạo nếp.  |
| HS làm bài nhóm đôi | - Vẽ sơ đô, suy nghĩ tìm mối quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | HS trình bày bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, Nhận xét, báo cáo các bài làm. Chữa bài trên bảng phụ. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| D. Hoạt động vặn dụng\*Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để làm các bài tập liên quan đến thực tế cuộc sống.  |
| * Yêu cầu HS tự đọc, phân tích bài toán
 | HS tự đọc, phân tích bài toán |
| Em hiểu số tiền tiết kiệm của chị Linh gấp 4 lần số tiền tiết kiệm của Phúc là thế nào? | Số tiền tiết kiện của Phúc là 1 phần thì số tiền tiết kiệm của chị Linh là 4 phần |
| * Yêu cầù HS trình bày bài làm vào vở.
 | HS làm vở cá nhân |
|  | HS trao đổi vở, chia sẻ với bạn cách mình làm.  |
| * Gọi HS trình bày bài làm
 | * 1 HS trình bày, giải thích cách làm
 |
|  | * Nhận xét, bổ sung
 |
| * GV nhận xét chung.
 |  |
| * Đặt 1 tình huống có trong thực tế liên quan đến dạng toán Tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó.
 | HS nêu tình huống. HS khác nhận xét.  |
| Lựa chọn 1 tình huống yêu cầu HS nêu cách tìm | HS chia sẻ.  |
| GV nhận xét |  |
| **(\*) Cúng cố, dặn dò** |  |
| - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? - Nhắc HS về nhà, các em đọc lại cách giái dạng toán “Tìm hai sô khi biết tông và ti so cua hai so đó”.  | Biết cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**Khoa học**

**BÀI 2**

 **HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH**

**(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

Dung dịch là gì?. Phân biệt được dung dịch từ các ví dụ đã cho.

**2. Năng lực chung:**

*Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động tìm hiểu về các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách tạo ra các hỗn hợp, dung dịch có thể sử dụng trong thực tế, ví dụ: Hỗn hợp muối tiêu; dung dịch nước cam…

**3. Phẩm chất**:

*Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*Trách nhiệm*: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Dụng cụ thí nghiệm. Phiếu học tập.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu kết nối vào bài học. **b. Cách tiến hành:** |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 1,2, thảo luận và trả lời câu hỏi:*Trong cốc A và B ở hình 1 có chứa gì? Sau khi khuấy đều và để lắng, em còn nhìn thấy đường hay tranh trong mỗi cốc không? Vì sao?* Hình 1 Hình 2- GV mời 1 HS trả lời câu hỏi.   - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới:  *Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài* ***Bài 2 – Hỗn hợp và dung dịch.*** | - HS quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời câu hỏi.     - HS trả lời:*Sau khi khuấy đều và để lắng, không còn nhìn thấy đường, tranh trong cốc do đường và nước tranh đã hòa tan trong nước .*- HS lắng nghe, ghi bài.  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****a. Mục tiêu:**Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các hỗn hợp đã cho. **b. Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm của dung dịch**- GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Con ong SGK trang 14, gọi một số HS nhắc lại.- GV chiếu nội dung từ tiết học trước các hỗn hợp HS đã tìm được (trong đó các hỗn hợp thuộc loại dung dịch được xếp vào một cột).- GV yêu cầu HS: *Tìm các dung dịch trong số các hỗn hợp đó.*- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). - GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng*.*- GV chiếu lại kết quả sau khi khuấy hình 1, bài 2 SGK.- GV yêu cầu HS làm câu 7, Bài 2 VBT*: Sau khi khuấy và để lắng thì cốc nào trong hình 1, trang 12 SGK chứa dung dịch? Vì sao?*- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, chốt đáp án.- GV tổ chức cho HS quan sát thí nghiệm 2, mục 1, trang 13 SGK, đồng thời chiếu lại hình ảnh kết quả tạo ra các hỗn hợp đã chụp từ tiết học trước.- GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trên, trả lời câu hỏi: *Trong các hỗn hợp tạo ra ở thí nghiệm 2, mục 1, hỗn hợp nào là dung dịch?*- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.- GV chia lớp thành các nhóm 4, quan sát hình 4- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi mục Quan sát, SGK trang 14: *Hỗn hợp nào trong hình 4 là dung dịch? Vì sao?*- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, chuẩn hóa câu trả lời. - GV yêu cầu HS: *Nhắc lại kiến thức liên quan tới dung dịch (thành phần, đặc điểm, sự khác nhau giữa hỗn hợp và dung dịch).*- GV mời đại diện 2 – 3 HS nhắc lại. - GV nhận xét, tuyên dương các HS nhớ bài. | - HS đọc bài: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*- HS quan sát hình.- HS lắng nghe GV nêu câu hỏi. - HS trả lời.   - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi nhớ.  - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời: *Cốc A, vì không còn nhìn thấy muối ăn trong cốc.* - HS lắng nghe, chữa bài.- HS nghiên cứu thí nghiệm kết hợp quan sát hình.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời: *Các dung dịch bao gồm: muối và nước, mì chính và nước, đường và nước.*- HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.- HS chia nhóm, quan sát hình.    - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời: *a) và d) là dung dịch vì chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau, các thành phần không tách riêng nhau.*Điều gì xảy ra khi bạn thường xuyên uống nước ấm pha mật ong mỗi ngày? Uống C sủi chữa nhiệt miệng được không? - Nha Khoa Đông Nam®- HS lắng nghe, chữa bài vào câu 9, Bài 2 VBT.- HS lắng nghe yêu cầu của GV. - HS nhắc lại: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*- HS lắng nghe, phát huy. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH****a. Mục tiêu:**Nêu được các dung dịch trong cuộc sống hằng ngày. **b. Cách tiến hành:** |
| **Hoạt động 4: Tìm ví dụ về dung dịch trong cuộc sống**- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6, dùng giấy khổ lớn để trả lời câu hỏi: *Kể thêm các dung dịch mà em biết.*- GV yêu cầu các nhóm treo kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm khác đánh giá chéo, báo cáo kết quả.- GV tổng kết, đưa ra đáp án.- GV yêu cầu HS: *Đọc mục Em có biết SGK trang 14, nêu bằng chứng về thành phần “có các chất béo không tan”.*- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.- Nhận xét | - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.- HS trình bày: nước muối, nước đường, nước chanh, nước hoa,...*-*Chia sẻ- HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.- HS lắng nghe yêu cầu của GV.- HS trả lời. *Sữa tươi để một thời gian có một lớp váng trên bề mặt, ăn béo ngậy. Phomai cũng là các hạt béo tách ra từ sữa tươi.*- HS lắng nghe, chữa bài. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM****a) Mục tiêu:** - HS củng cố kiến thức sau bài học.- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.**b) Cách tiến hành:** |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:+ Nêu những hiểu biết của em về dung dịch? Cho ví dụ - GV cho HS chia sẻ trước lớp.- GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.- GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau.  | - HS chia sẻ trước lớp:+Dung dịch là một hỗn hợp đồng nhất của hai hay nhiều chất hòa tan vào nhau ( nước muối)- HS chia sẻ trước lớp.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Thứ Sáu ngày 27 tháng 9 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**BÀI VIẾT 2**

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

**(Quan sát)**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

 ***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

– Biết dựa vào gợi ý để tóm tắt một bài văn tả người.

– Biết quan sát một người bạn đang học tập (hoặc lao động, vui chơi) và ghi lại kết quả quan sát để chuẩn bị tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tả người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Bước đầu biết sử dụng từ ngữ phù hợp để ghi lại một cách sinh động những điều thú vị mà mình quan sát được.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cách trao đổi với bạn), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập). Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc lành mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| - GV tổ chức trò chơi Bắn tên với những câu hỏi sau:+ Cấu tạo của một bài văn tả người gồm có mấy phần?+ Nội dung của mỗi phần là gì?- GV giới thiệu bài: Ở tiết học trước, các em đã biết cấu tạo của bài văn tả người. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em tóm tắt một bài văn tả người, sau đó quan sát một người bạn đang học tập (lao động hoặc vui chơi) và ghi lại kết quả quan sát. | - Học sinh chơi trò chơi khởi động. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP****Mục tiêu:** - Giúp học sinh biết dựa vào gợi ý để tóm tắt một bài văn tả người.- Giúp HS biết quan sát một người bạn đang học tập (hoặc lao động, vui chơi) và ghi lại kết quả quan sát để chuẩn bị tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tả người. |
| **Hoạt động 1: Tóm tắt bài văn tả người (BT 1)****Cách tiến hành:** - GV mời 1 – 2 HS đọc BT 1, các HS khác đọc thầm theo.- GV cho HS suy nghĩ và lựa chọn bài văn sẽ tóm tắt.- GV mời một vài HS nêu tên bài văn mình chọn tóm tắt. - GV cho HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong thời gian 4 phút, sau đó chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.- GV mời đại diện của một số nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nêu ý kiến.- GV nhận xét, hướng dẫn HS hoàn thiện bản tóm tắt.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài văn Hạng A Cháng** | **Bài văn Chị Hà** |
| **Mở bài:** Giới thiệu người được tả. | **Mở bài:** Giới thiệu người được tả. |
| **Thân bài:** Tả những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách của nhân vật.- *Tả ngoại hình:* ngực, nước da, bắp chân, bắp tay, vóc người, đôi vai.- *Tả hoạt động, tính cách:* dắt trâu ra đồng, mắc cày, cày ruộng (cho thấy người được tả khoẻ, đẹp, chăm chỉ).- Cách tả: tả ngoại hình, sau đó tả hoạt động, thông qua đó nói lên tính cách của nhân vật. | **Thân bài:** Tả những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách của nhân vật.- *Tả ngoại hình:* dáng người, mái tóc, khuôn mặt (gò má, nước da).- *Tả hoạt động, tính cách:* cười nói vui vẻ khi trò chuyện với thiếu nhi (cho thấy người được tả có tính tình hồ hởi, yêu quý trẻ em; sôi nổi, dễ mến).- Cách tả: tả ngoại hình xen lẫn tả hoạt động và nêu nhận xét về tính cách nhân vật. |
| **Kết bài:** Kết thúc bài viết; nêu cảm nghĩvề người được tả. | **Kết bài:** Kết thúc bài viết. |
| **Cách quan sát:** Quan sát bằng mắt, tai. | **Cách quan sát:** Quan sát bằng mắt. |

**Hoạt động 2: Quan sát một người bạn đang học tập (hoặc lao động, vui chơi), ghi lại kết quả quan sát (BT 2)****Cách tiến hành:** - GV mời 1 HS đọc BT 2, các HS khác đọc thầm theo.- GV hướng dẫn HS quan sát và ghi lại kết quả quan sát (theo gợi ý): một số chi tiết nổi bật về ngoại hình, một số chi tiết nổi bật về hoạt động, tính cách.- HS làm việc cá nhân: quan sát và ghi lại kết quả quan sát. GV theo dõi, giúp đỡ HS, giải đáp thắc mắc của HS (nếu có).- GV mời một vài HS báo cáo kết quả. Các HS khác nêu ý kiến.- GV nhận xét, hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung bản ghi chép của mình. | - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm theo.- HS trả lời.- HS suy nghĩ và chia sẻ trong nhóm.- HS trình bày trước lớp.- Học sinh đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm theo.- HS lắng nghe.- HS quan sát và ghi lại kết quả.- HS báo cáo. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
| - HS nhắc lại một số điều cần chú ý khi quan sát một người đang học tập (lao động hoặc vui chơi): quan sát những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình và những chi tiết tiêu biểu về hoạt động, tính cách.- GV nhận xét tiết học; dặn HS hoàn thiện bài ghi chép của mình, chuẩn bị cho tiết tìm ý, lập dàn ý cho bài văn tả người. |  |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Toán**

**BÀI 8.** **TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ (Tiết 1)**

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biêt cách giãi bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ sô của hai số dó" và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiễn đơn giản.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
* Bàng phụ, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | HS quan sát tranh |
| Có mấy loại hộp? | Có 2 loại bóng (hộp to và hộp nhỏ).  |
| Hộp to hơn hộp nhỏ bao nhiêu chiếc bút màu?  | Hộp to có nhiêu hơn hộp nhỏ 24 cliiêc bút màu |
| Vậy Hiệu số hộp bóng to với bóng nhỏ là bao nhiêu? | Hiệu sô cùa hai loại bút màu đó là 24.  |
| - Tỉ sô hộp to và hộp nhỏ bao nhiêu? | Tỉ sô số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ là 5/3 |
| Tính số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |  |
| Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | Cho biết hiệu số bút màu ở thộp to và hộp nhỏ cùng với tỉ số của bút màu trong hộp to với hộp nhỏ |
| Bài toán yêu cầu gì? | Tìm số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |
| Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Hiệu và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó” |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán.  | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi
 |
|  | + Bài toán cho biêt: Hiệu hai sô 24. Tỉ số của hai số là 5/3. + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”.  |
| Tỉ số cảu hai số là 5/3 biểu thị điều gì? | Nếu số lớn là 5 phần bằng nhau thì số bé là 3 phần như thế |
| GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ.  | HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó
 | HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giãi quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  |
| GV gợi ý:  |  |
| Số lớn hơn số bé mấy phần? | Tìm hiệu số phần bằng nhau 5 - 3 = 2 |
| 2 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | 2 phần này có giá trị bằng tổng là 24 |
| Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | Tính giá trị 1 phẩn 24:2 = 12 |
| Muốn tìm sổ lớn ta phái làm gì? | Lấy giá trị 1 phân nhân vời số phần tương ứng, ta có: số lớn là: 12 x 5 = 60 |
| Vậy số bé bàng bao nhiêu? | Số bé là: 12 x 3 = 36 hoặc 60 - 24 = 36 |
| * Gọi HS trình bày
 | HS nêu câu lời giái và trinh bày bài giài như SGK.  |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết hiệu và ti sô cua hai sô đó”, khi giai thường liến hành theo bon bước:+ Bước 1: Vẽ sơ đồ. + Bước 2: Tìm hiệu số phần bằng nhau. + Bước 3: Tìm giá trị một phân. + Bước 4: Tìm số lớn+ Bước 5: Tìm sô béLưu ý, HS có thể tìm số lớn trước hoặc số bé trước đều được.  | HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết hiệu của hai số là 6. Tỉ số của hai số là 2/5.
 | HS trình bày theo các bước giải.  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số  |
| **Bài 1.**  Yêu cầu HS đọc | HS đọc bài.  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định hiệu, tỉ số của hai số trong từng trường hợp.  |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở
 | HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong.  |
| * Gọi HS trình bày bài.
 | HS trình bày, nhận xét.  |
| * GV nhận xét chung
 |  |
| **Bài 2.**  Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định hiệu, tỉ số của cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ |
| * HS làm bài nhóm đôi
 | - Vẽ sơ đô, suy nghi tìm môi quan hệ giữa cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ và hiệu rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | * HS trình bày bài vào vở
 |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp. Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -So sánh các bước giải của dạng toán tìm hai số khi biết tổng -tỉ số với dạng toán tìm hai số khi biết hiệu -tỉ số-Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số* Nêu bước làm giống, khác nhau.
* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết 3**

**SINH HOẠT LỚP: SÁNG TÁC VỀ CHỦ ĐỀ: TÌNH THẦY TRÒ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- HS thể hiện được tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô giáo thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.**

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất**

**- Hào hứng, tự tin tham gia các hoạt động.**

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- Giáo viên: **SGK**

**-** Học sinh:SGK, chuẩn bị bài thơ, câu chuyện mình sáng tác,..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY –HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với tiết học. |
| **b) Cách tiến hành** - Tổ chức cho HS vận động theo bài hát: *Em yêu trường em.* | - HS thực hiện. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần****a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua. **b. Cách tiến hành**- GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 3 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 4.- GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.**Hoạt động 2: Sáng tác về chủ đề Tình thầy trò****a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS thể hiện tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò. **b. Cách tiến hành*****Nhiệm vụ 1: Tiến hành sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.*** - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và yêu cầu: *Sáng tác một tác phẩm về Tình thầy trò.* - GV hướng dẫn HS: *+ Nội dung sản phẩm liên quan đến chủ đề Tình thầy trò:** *Những kỉ niệm đáng nhớ của em với thầy cô giáo.*
* *Tình cảm yêu quý, biết ơn của em đối với thầy cô giáo.*
* *Những bài học thầy cô dạy mà em nhớ nhất...*

*+ Hình thức thể hiện:* * *Bài thơ.*
* *Bài hát.*
* *Bài vè.*
* *Truyện ngắn...*

- GV tổ chức cho HS các nhóm tiến hành sáng tạo sản phẩm. ***Nhiệm vụ 2. Giới thiệu sáng tác với các bạn***- GV tổ chức cho các nhóm trình bày sáng tác trước lớp. - GV cùng HS còn lại nhận xét, đánh giá sản phẩm. - GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động.- GV tổ chức bầu chọn 5 sáng tác ấn tượng nhất. **\* Củng cố dặn dò**- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- GV nhắc nhở HS:+ Thực hiện những việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò. + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 1 – Tuần 4.*** | - HS chú ý lắng nghe.- HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.- HS làm việc cá nhân. - HS lắng nghe, thực hiện. - HS trình bày. - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe. - HS bầu chọn. - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………